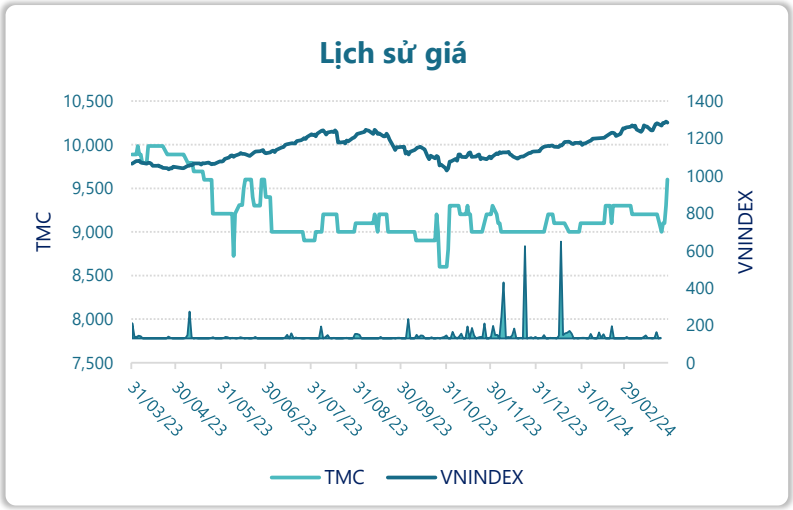
FireAnt

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức (HNX: TMC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
SL cổ phiếu LH	12,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	425
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	119
P/E	9.2
EPS	1,046

DT thuần

Q1/24

635

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.0| -4.5%

YoY: ▲ 31.0| 5.2%

LN sau thuế

Q1/24

2.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.39| -40.5%

YoY: ▲ 1.08| 111%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

0.6%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2023

2,540

tỷ VNĐ

YoY: ▼534| -17.4%

LN sau thuế

2023

11.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.44| 167%

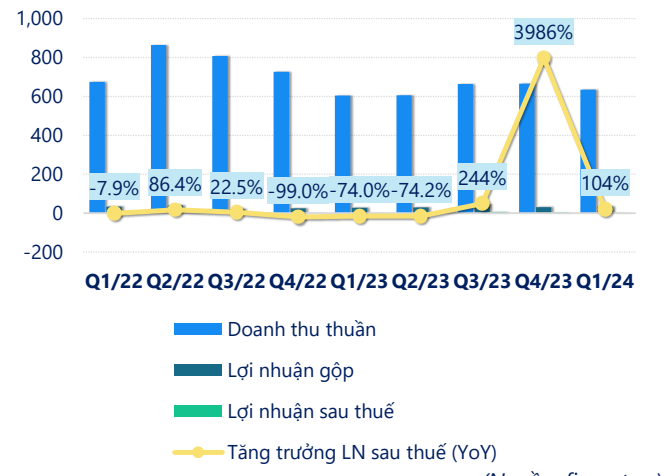
ROE

2023

6.2%

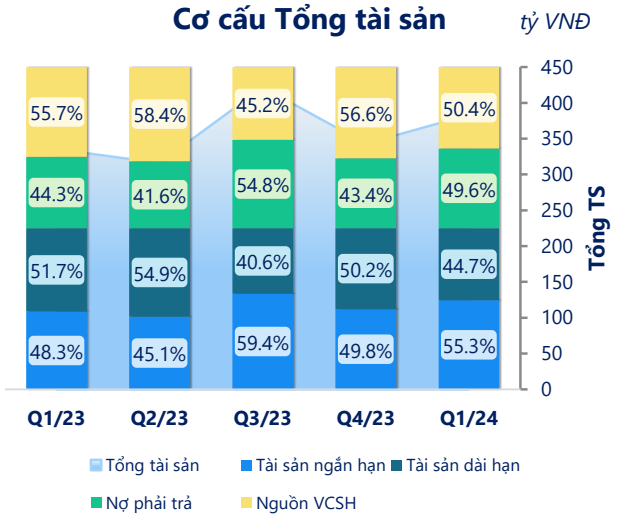
+/- YoY: ▲ 3.9%

Kết quả kinh doanh



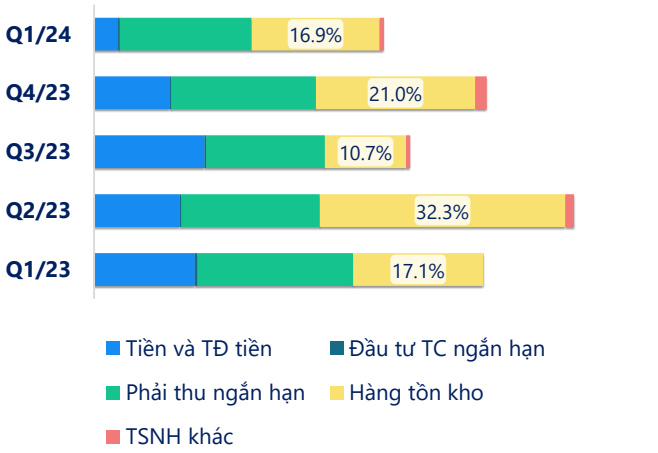
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



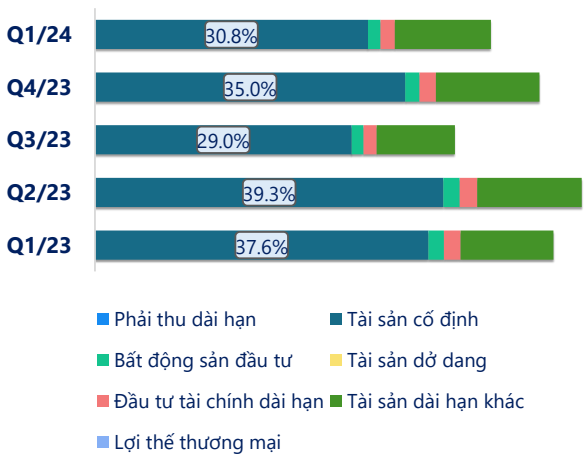
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



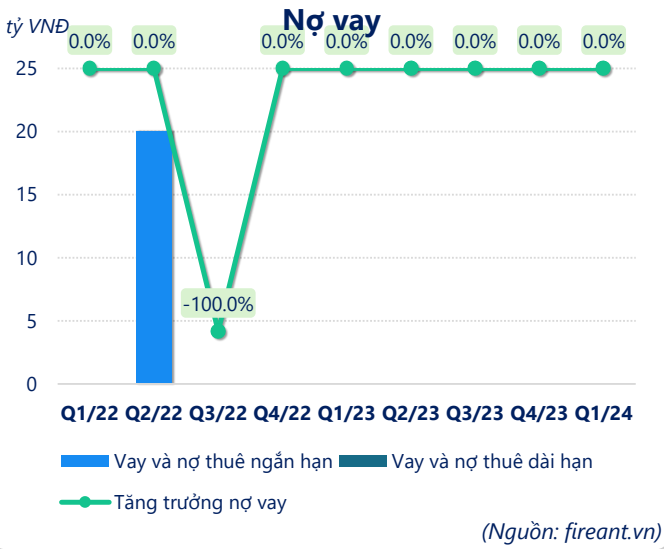
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



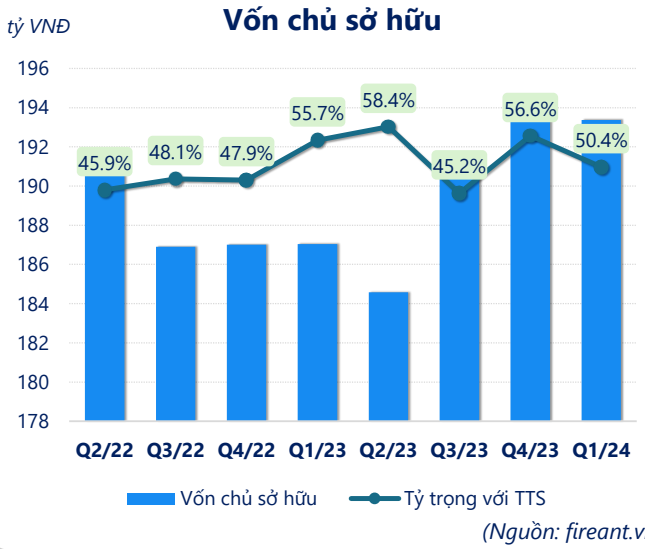
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



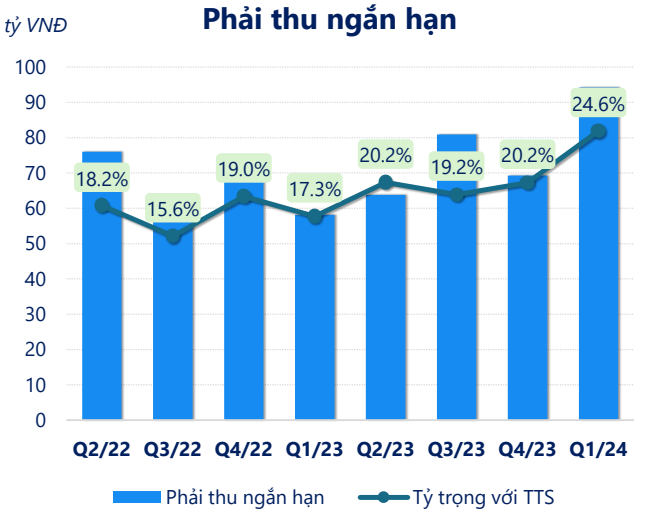
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



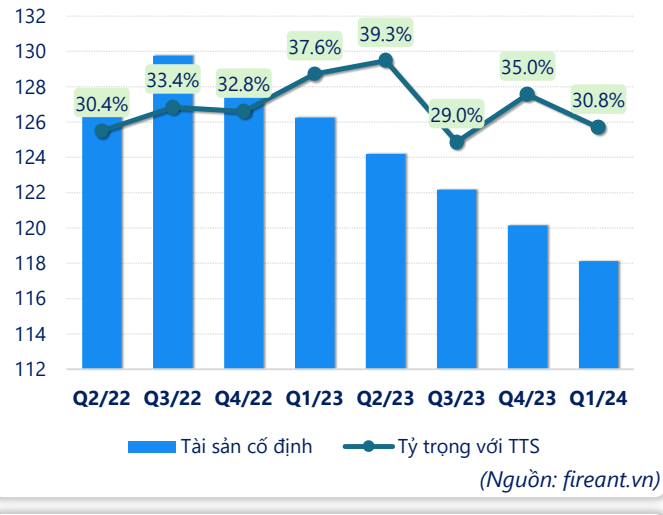
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



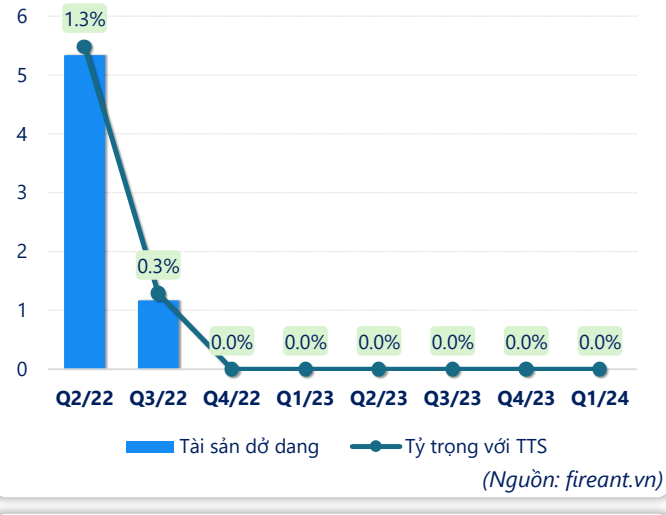
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



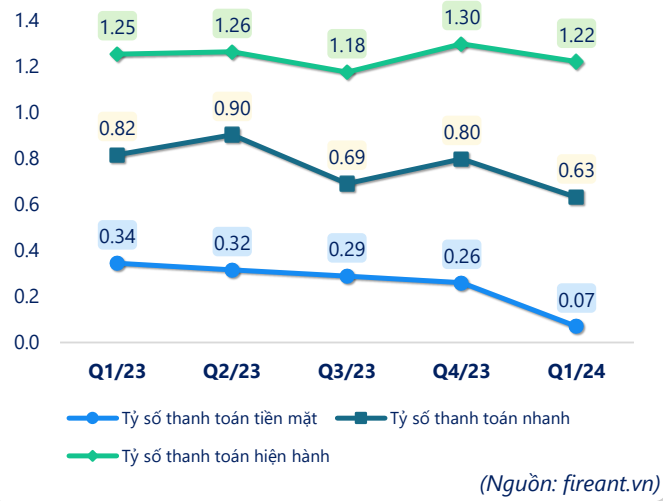
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



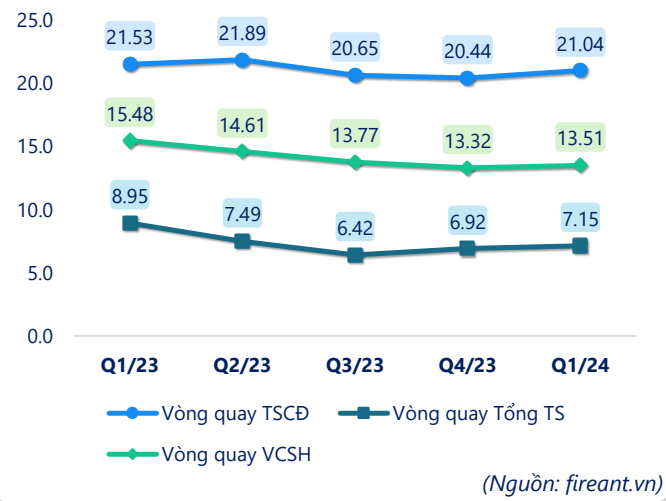
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**336**	**316**	**422**	**343**	**383**
Tài sản ngắn hạn	**162**	**142**	**251**	**171**	**212**
Tiền và tương đương tiền	44.5	35.5	61.4	34.2	12.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.79	0.76	0.76	0.75	0.75
Phải thu ngắn hạn	58.1	63.8	80.9	69.2	94.2
Hàng tồn kho	56.6	40.6	103	65.8	102
Tài sản ngắn hạn khác	1.94	1.66	4.24	0.99	2.50
Tài sản dài hạn	**174**	**173**	**171**	**172**	**171**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	126	124	122	120	118
Bất động sản đầu tư	5.87	5.75	5.63	5.51	5.39
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.26	6.25	6.25	6.27	6.27
Tài sản dài hạn khác	35.2	37.3	37.2	40.1	41.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**149**	**131**	**231**	**149**	**190**
Nợ ngắn hạn	**129**	**113**	**213**	**132**	**174**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	82.2	72.1	158	86.7	124
Nợ dài hạn	19.3	18.6	17.8	17.1	16.3
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**187**	**185**	**191**	**194**	**193**
Vốn chủ sở hữu	**187**	**185**	**191**	**194**	**193**
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)